

Bản án số: 405/2024/DS-PT

Ngày: 26-8-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui và thực hiện nghĩa
vụ tài sản do người chết để lại”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Gọn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 21 và ngày 26 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 347/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 111/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Tuyết N, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

2. *Bị đơn:* - Ông Lê Minh Đ, sinh năm 1974 (vắng mặt)

- Anh Lê Gia B, sinh năm 1997 (vắng mặt)

- Chị Lê Gia H, sinh năm 2005 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Lê Phước Ý, sinh năm 1995, địa chỉ: Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26-01-2024) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1946 (vắng mặt)

3.2. Ông Trần Văn Đ1, sinh năm: 1940 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ A, khu phố H, phường H, thị xã H, tỉnh Tây Ninh.

3.3. Ông Vũ Công T1, sinh năm: 1959, địa chỉ: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết N trình bày:

Bà có tham gia hội do bà Trần Thị Kim C (vợ ông Lê Minh Đ) làm chủ dây hội 5.000.000 đồng mở ngày 20/6/2022 gồm có 25 phần (thực tế chỉ có 11 hội viên, do có hội viên tham gia nhiều phần hội), ngày mãn hội tháng 6/2024. Bà tham gia 06 phần, đã đóng được 15 kỳ hội. Khi dây hội vẫn đang duy trì thì ngày 19/9/2023 bà C chết. Bà có sổ sách tự theo dõi tiền hội đã đóng, chỉ có tháng đầu tiên là đóng 3.900.000 đồng/phần hội, còn lại đều là 4.000.000 đồng/phần hội mỗi tháng.

Trong đơn khởi kiện, bà yêu cầu ông Đ, anh B và chị H thanh toán số tiền hội là 450.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và những người thừa kế của bà C gồm chồng là ông Đ, các con là anh B, chị H, cha mẹ là ông Đ1, bà T thanh toán số tiền hội sống vợ chồng bà đã góp là 359.400.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bà C làm chủ hội đã rất nhiều năm, bà đã tham gia hội do bà C làm chủ hội từ khoảng năm 2018. Bà C là người trực tiếp làm hội nhưng thời gian làm hội là trong thời kì hôn nhân với ông Đ, ông Đ phải biết việc này. Do đó, nợ hội phải là nợ chung của bà C và ông Đ.

Bà C chết có để lại tài sản, gồm 01 phần đất diện tích 216,6 m² thuộc thửa đất số 273, tờ bản đồ số 15 tọa lạc tại khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh (hiện đang bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản). Ngoài ra còn nhiều tài sản khác nhưng bà chưa rõ thông tin cụ thể.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Lê Phước Ý là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bà C (chết ngày 19/9/2023) và ông Đ và là vợ chồng, khi bà C còn sống thì có thời gian khoảng 10 năm làm chủ hội, ngoài ra còn cho vay tiền góp, ông Đ thì kinh doanh hoa tươi. Khoảng năm 2018, bà C bị nhiều người giật hội, vỡ nợ nên đem tài sản ở nhà bán trả nợ, ông Đ đã khuyên ngăn và không đồng ý việc bà C làm hội, cho vay nữa nhưng bà C không nghe. Từ đó, ông và bà C mỗi người có công việc làm ăn riêng, không liên quan đến nhau.

Ông Đ, anh B, chị H không biết bà C tổ chức bao nhiêu dây hụi, không biết hụi viên là ai. Giấy hụi do bà N cung cấp cho Tòa án là giấy phô tô nên ông Đ, anh B, chị H không thừa nhận việc bà N có tham gia hụi của bà C. Riêng bản gốc giấy tay nhận hụi có chữ ký đúng là của bà C, căn cứ vào giấy tay này, ông Đ, anh B, chị H chỉ thừa nhận trả cho bà N tiền hụi là 32.000.000 đồng. Ông Đ, chị H, anh B có nghĩa vụ thanh toán số tiền này cho bà N trong phạm vi di sản thừa kế do bà C để lại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Vũ Công T1: thống nhất lời trình bày và ý kiến của bà N.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Đ1, bà T: đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến và lời trình bày đối với yêu cầu khởi kiện.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết N đối với ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H, ông Trần Văn Đ1, bà Đỗ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hụi; Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Buộc ông Lê Minh Đ có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N, ông Vũ Công T1 số tiền 179.700.000 (một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Buộc ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H, ông Trần Văn Đ1, bà Đỗ Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Tuyết N, ông Vũ Công T1 số tiền 179.700.000 (một trăm bảy mươi chín triệu bảy trăm nghìn) đồng trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/5/2024 ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc trả 32.000.000 đồng trong phạm vi giá trị di sản thừa kế của bà C theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi là 200.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đ1 bà T cùng trả.

Bà N, ông T1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng

trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H thực hiện trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H:

[2.1] Việc bà C làm chủ hội ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H đều biết nhưng không biết bà C tổ chức bao nhiêu dây hội. Bà N cung cấp giấy hội khui ngày 20/6/2022 hội 5.000.000 gồm 25 phần, có danh sách hội viên và chữ ký, ghi họ tên của chủ hội Trần Thị Kim C; 01 bản gốc giấy tay đề ngày 08/12/2022 được bà C ký tên xác nhận đã nhận tiền hội tháng 12/2022 của bà N là 32.000.000 đồng. Bị đơn không thừa nhận giấy hội vì cho rằng đây là bản phô tô, không có giá trị chứng cứ nhưng lại thừa nhận bản gốc giấy tay bà C nhận số tiền hội 32.000.000 đồng. Như vậy, việc bị đơn thừa nhận bản gốc giấy tay đồng nghĩa việc xác định bà N có tham gia hội của bà C và có góp hội cho bà C.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà N chỉ yêu cầu ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H cùng có trách nhiệm trả số tiền hội là 200.000.000 đồng, không yêu cầu ông Đ1 bà T cùng trả. Giữa bà N, ông T1 và người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận như sau:

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết N và ông Vũ Công T1 số tiền 200.000.000 đồng và hai bên đã tiến hành giao nhận tiền xong tại phiên tòa.

Xét thấy, việc bà N và người đại diện hợp pháp của bị đơn thỏa thuận là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền trả theo quy định của pháp luật trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do các đương sự thỏa thuận được việc giải quyết vụ án nên Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471, Điều 615 của Bộ luật Dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/202/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Tuyết N và ông Vũ Công T1 số tiền 200.000.000 đồng. Ghi nhận hai bên đã giao nhận tiền xong tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B và chị Lê Gia H phải chịu 10.000.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế do bà Trần Thị Kim C để lại.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H mỗi người phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009351, 009352, 009353 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông Lê Minh Đ, anh Lê Gia B, chị Lê Gia H đã nộp xong.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang